

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v “Tranh chấp về ly hôn; nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân;

2. Ông Phan Hữu Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Hồng Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Cư Trú: Tổ 20, ấp BP 2, xã BH, CT, An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng Nh, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 20, ấp BP 2, xã BH, CT, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:*

Chị và anh Võ Hoàng Nh sống chung với nhau từ năm 2005, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức đám cưới, nhưng sau đó đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện CT (**giấy đăng ký kết hôn số 01.BH, quyển số I/2010 ngày 04/01/2010**). Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống bên gia đình chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2009, do xảy ra mâu thuẫn nên chị dọn đồ ra thuê nhà trọ để ở, đến năm 2020 thì xây cất nhà trên đất của cha mẹ chồng cho đến nay. Sau đó, vào năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, anh Nh không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn dẫn đến mất tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hoàng Nh.

Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Nh có 01 con chung tên Võ Hoàng Kh, sinh ngày 25/12/2009, hiện cháu Hoàng Kh sống chung với ba. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh Nh tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm công nhân cho Công ty may tại Bình Dương; mặt khác tình hình dịch bệnh vẫn còn đang diễn biến phức tạp, điều kiện đi tới lui rất khó khăn nên chị T xin được vắng mặt tại các phiên xét xử tại Tòa án.

** Đối với bị đơn anh Võ Hoàng Nh:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng anh Hoàng Nh đều vắng mặt không lý do. Tại Biên bản xác minh ngày 01/6/2022 (BL33) thể hiện anh Võ Hoàng Nh có nơi cư trú tại ấp BP 2, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang; Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Hoàng Nh do anh không có mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Hoàng Nh: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T, giải quyết cho chị Mộng T được ly hôn với anh Võ Hoàng Nh; về con chung: Tiếp tục giao cháu Hoàng Kh cho chị Mộng T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hoàng Nh không yêu cầu; về

tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Mộng T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Hoàng Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện CT nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị Mộng T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Nh. Anh Hoàng Nh có hộ khẩu thường trú ở ấp BP 2, xã BH, huyện CT, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin vắng mặt của chị T hợp lệ nên được chấp nhận. Đối với anh Võ Hoàng Nh là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi cưới, vợ chồng hạnh phúc được gần 09 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Nh.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị Mộng T và anh Hoàng Nh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Hoàng Nh theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh Hoàng Nh vắng mặt tại nhà (BL 33). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Nh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn cũng như ý kiến về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía chị T đã trình bày. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh Hoàng Nh vẫn không có văn bản thể hiện nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị Mộng T. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Mộng T và anh Hoàng Nh đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng T là được ly hôn với anh Võ Hoàng Nh.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Mộng T thừa nhận giữa chị và anh Võ Hoàng Nh có 01 con chung tên Võ Hoàng Kh, sinh ngày 25/12/2009, mặt khác giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Võ Hoàng Kh là con chung của chị Mộng T và anh Hoàng Nh, cháu Kh hiện đang sống với anh Nh. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mộng T đồng ý tiếp tục giao con cho anh Nh nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh, chị không còn sống chung nữa thì cháu Võ Hoàng Kh sống với anh Nh, đồng thời tại Tờ tự khai cháu Kh có nguyện vọng được sống với ba (BL số 31). Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng T là giao cháu Kh cho anh Nh được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Võ Hoàng Nh không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Chị Nguyễn Thị Mộng T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị Mộng T có yêu cầu ly hôn với anh Võ Hoàng Nh nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Võ Hoàng Nh. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 BH, quyền số I/2010, ngày 04/01/2010 do Ủy ban nhân dân xã BH (huyện CT, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Võ Hoàng Kh, sinh ngày 25/12/2009 là con chung của chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Võ Hoàng Nh;

+ Tiếp tục giao cháu **Võ Hoàng Kh** cho anh Võ Hoàng Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu Kh đang sống chung với anh Nh); chị Nguyễn Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Võ Hoàng Nh, do anh Võ Hoàng Nh không yêu cầu;

+ Anh Võ Hoàng Nh cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Mộng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0005010 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang, được khấu trừ nên chị Mộng T đã nộp xong.

5. Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Võ Hoàng Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã BH;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

